

Gò Vấp, ngày 10 tháng 10 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Mầm non Sen Hồng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3/2021 như sau:

DV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí	409.680.000		0%	0%
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại		5.769.000		22%
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	6.268.381.550	1.427.694.171		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)	3.978.335.000	890.965.944	22%	87%
b)	Chi thường xuyên (nguồn 14)	2.139.487.000	536.728.227	25%	145%
b.1	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương) (nguồn 14)	72.738.000		0%	
b.2	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng lương từ mức 1.21trđ lên 1.39trđ (nguồn 14).	668.008.000	164.895.066	25%	
b.3	Kinh phí Nghị quyết 03 (nguồn 14)	1.398.741.000	371.833.161	27%	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150.559.550			
	- Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	87.030.000		0%	
	- Hỗ trợ sửa học đường	12.529.550		0%	
4	- Hỗ trợ Tết 2021	51.000.000			

Gò Vấp, Ngày 10 tháng 10 năm 2021

Hiệu trưởng



TRƯỜNG MẦM NON SEN HỒNG

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 3 NĂM 2021

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2021

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2020 chuyển sang	13.457.574	128.475.817	726.711.597	0	868.644.988
Dự toán giao trong năm 2021	3.978.335.000	740.746.000	1.398.741.000	150.559.550	6.268.381.550
Dự toán đã sử dụng	2.930.009.211	493.310.619	789.521.942	63.529.550	4.276.371.322
+ Quý 1	933.723.025	163.613.328	0	63.529.550	1.160.865.903
+ Quý 2	1.105.320.242	164.802.225	417.688.781		1.687.811.248
+ Quý 3	890.965.944	164.895.066	371.833.161	0	1.427.694.171
Tồn cuối kỳ	1.061.783.363	375.911.198	1.335.930.655	87.030.000	2.860.655.216

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 3/2021	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
6000	Tiền lương	1.427.694.172	4.276.371.323
6001	Lương theo ngạch, bậc	435.243.894	1.300.591.185
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	423.308.994	1.266.753.285
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	11.934.900	33.837.900
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	48.395.200	129.957.800
6100	Phụ cấp lương	227.292.291	839.273.564
6101	Phụ cấp chức vụ	10.728.000	31.588.000
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	-	160.250.323
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	138.472.491	414.150.852
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	894.000	2.682.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	77.197.800	230.602.389
6300	Các khoản đóng góp	134.317.741	397.793.737
6301	Bảo hiểm xã hội	100.023.853	296.229.379
6302	Bảo hiểm y tế	17.146.938	50.782.167
6303	Kinh phí công đoàn	11.431.301	33.854.796
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	5.715.649	16.927.395
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	573.000.756	1.457.472.352
6449	Chi khác	573.000.756	1.457.472.352
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	3.120.857	28.654.604
6501	Tiền điện	3.120.857	28.654.604
6502	Tiền nước	-	-
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	-	2.940.000

6608	Phim ảnh, an phẩm truyền thông, sách báo, tạp chí, thư viện		540.000
6649	Khác		2.400.000
6700	Công tác phí	5.400.000	16.200.000
6704	Khoản công tác phí	5.400.000	16.200.000
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	0	88.000.000
6907	Nhà cửa		88.000.000
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin		-
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	923.433	15.488.081
7756	Phi và lệ phí	923.433	2.958.531
7799	Chi các khoản khác		12.529.550

2/Chi thường xuyên (nguồn 14) :

- Tăng lương theo Nghị định 47/2017/NĐ-CP: 164.895.066 đồng.
- Chi Nghị quyết 03 trong quý 3 năm 2021: 371.833.161 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

- Trợ cấp tết 2021 : 51.000.000 đồng.
- Hỗ trợ chi phí học tập: đồng.
- Mua sắm, sửa chữa, cải tạo trường: 64.394.550 đồng.

Người lập

Phan Thị Minh Dung

Gò Vấp, ngày 10 tháng 10 năm 2021

Hiệu trưởng



Trần Thị Cẩm Hồng